

MULTIPLE CHOICE

QN=1	<p>Chọn cách đọc đúng của chữ Hán sau:</p> <p>ダニエルさんの【母国語】は 何ですか。</p>
a.	ぽこくご
b.	ぼくにご
c.	ぽこくこ
d.	ぼこくご

QN=2	<p>Chọn cách đọc đúng của chữ Hán sau:</p> <p>よこはまの【旅館】はしずかで、きれいです。</p>
a.	こかん
b.	こうかん
c.	りよかん
d.	りょうかん

QN=3	<p>Chọn cách đọc đúng của chữ Hán sau:</p> <p>ご【乗車】ありがとうございます。</p>
a.	しょうしゃ
b.	じょうしゃ
c.	しょしゃ
d.	しょうしゃ

QN=4	<p>Chọn cách đọc đúng của chữ Hán sau:</p> <p>かいぎはいつ【終わります】か。</p>
a.	おわります
b.	あわります
c.	さわります
d.	なわります

QN=5	<p>Chọn cách đọc đúng của chữ Hán sau:</p> <p>【今夜】はレストランでしょくじしましょう。</p>
a.	こんよる

b.	いまよる
c.	きんや
d.	こんや

QN=6	<p>Chọn cách viết đúng của chữ Hán sau:</p> <p>たなかさんは【えきちょう】です。</p>
a.	社長
b.	駅長
c.	会長
d.	校長

QN=7	<p>Chọn cách viết đúng của chữ Hán sau:</p> <p>メリアさんは【りょうり】がへたです。</p>
a.	料理
b.	料里
c.	科理
d.	科里

QN=8	<p>Chọn cách viết đúng của chữ Hán sau:</p> <p>日本語で【かいわ】ができますか。</p>
a.	今読
b.	今話
c.	会読
d.	会話

QN=9	<p>Chọn cách viết đúng của chữ Hán sau:</p> <p>【きこく】して、日本の会社ではたらきたいです。</p>
a.	来国
b.	行国
c.	帰国
d.	気国

QN=10	Chọn cách viết đúng của chữ Hán sau:
-------	--------------------------------------

	カメラは【ちか】のいっかいです。
a.	地下
b.	地上
c.	場下
d.	場上

QN=11	Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống: 他の人に（ ）ですから、しずかに話してください。
a.	たいせつ
b.	めいわく
c.	いそがしい
d.	あぶない

QN=12	Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống: （ ）の時間におくれないでください。
a.	しゅうとう
b.	しゅうかん
c.	しゅうまつ
d.	しゅうごう

QN=13	Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống: 一週間に3かいダンスクラブに（ ）。
a.	あそびます
b.	かよいます
c.	やすみます
d.	おわります

QN=14	Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống: （ ）の時はいそがしいですから、てつだってください。
a.	こうさてん
b.	ひっこし
c.	なつやすみ
d.	きょうしつ

QN=15	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>先週の日曜日に（ ）をあらったり、ゴミをすてたりしました。</p>
a.	ペンギン
b.	エアコン
c.	カーテン
d.	イベント

QN=16	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>となりのへやからいい音が（ ）。</p>
a.	さがします
b.	やすみます
c.	わかれます
d.	きこえます

QN=17	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>A：大学のイベントは（ ）？ B：外国人の学生がおおくて、たのしかった。</p>
a.	どこだった
b.	どうやった
c.	どうした
d.	どうだった

QN=18	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>やまもとせんしゅは（ ）ですから、サッカーが好きになりました。</p>
a.	いそがしかった
b.	かっこよかった
c.	むずかしかった
d.	ちやいろかった

QN=19	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>FPT 大学に（ ）、何をしたいですか。</p>
a.	しゅうごうして
b.	ひっこしして
c.	そつぎょうして
d.	にゅうがくして

QN=20	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>A：（ ）はどうだった？</p> <p>B：すごくて、楽しいかった。とくにコアラが好きだった。</p>
a.	ゆうびんきよく
b.	かんらんしゃ
c.	びじゅつかん
d.	どうぶつえん

QN=21	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>スーパー（ ）アインがありますが、コンビニ（ ）ワインがありません。</p>
a.	では・では
b.	には・には
c.	も・も
d.	が・が

QN=22	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>あぶないですから、あのかど（ ）右（ ）まがらないでください。</p>
a.	を・に
b.	で・に
c.	に・を

d.	で・を
----	-----

QN=23	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>木の下（ ）すわって、やすみましょう。</p>
a.	は
b.	を
c.	に
d.	で

QN=24	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>あたらしいクラス（ ）なれましたか。</p>
a.	を
b.	が
c.	に
d.	は

QN=25	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>のだ（ ）かわいたから、何か飲みたいね。</p>
a.	を
b.	が
c.	に
d.	×

QN=26	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>こうえん（ ）さんぽする時、たなかさんにあいました。</p>
a.	に
b.	を
c.	で
d.	が

QN=27	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>このナイフでやさいを（ ）いいです。</p>
a.	すっても
b.	きっても
c.	とっても
d.	かっても

QN=28	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>なつやすみに海で（ ）、バーベキューを（ ）した。</p>
a.	およぎで / して
b.	およいで / して
c.	およぎだり / したり
d.	およいだり / したり

QN=29	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>テストが（ ）時、けいたいでんわを使わないでください。</p>
a.	わすれる
b.	わかれる
c.	はじまる
d.	はじめる

QN=30	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>かぜを（ ）時、どうしますか。</p>
a.	ひく
b.	ひかない
c.	ひいた
d.	ひいて

QN=31	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>朝、コーヒーを飲んだから、（ ）ねるできません。</p>
-------	--

a.	だんだん
b.	なかなか
c.	だいてい
d.	ときどき

QN=32	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>道がわかりませんから、地図を（ ）ください。</p>
a.	きいて
b.	かいて
c.	ひいて
d.	おいて

QN=33	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>（ ）なって、もういちどでんわします。</p>
a.	たいせつに
b.	めいわくに
c.	ひまに
d.	じょうずに

QN=34	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>このとけいは高くてあまりないから、（ ）してください。</p>
a.	いろいろに
b.	ゆうめいに
c.	めいわくに
d.	たいせつに

QN=35	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>テストの時、大きい声で（ ）ください。</p>
a.	話して
b.	話さない
c.	話す

d.	話した
----	-----

QN=36	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>くすりを飲んで、まえよりからだが（ ）になりました。</p>
a.	ひくく
b.	はやく
c.	たかく
d.	よく

QN=37	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>テストが（ ）時、みなさんがよくできます。</p>
a.	かんたんの
b.	かんたんな
c.	かんたんに
d.	かんたんで

QN=38	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>A : ジョギングはどうでしたか。</p> <p>B : はじめはつかれましたが、だんだん（ ）になりました。</p>
a.	ひくく
b.	おおく
c.	はやく
d.	ふるく

QN=39	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>A : しゅうまつ、何をしましたか。</p> <p>B : そうじしたり、べんきょうしたり（ ）。</p>
a.	します
b.	しません

c.	しました
d.	しませんでした

QN=40	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>A : () 。</p> <p>B : もう 9 時半だよ。A さん、おそかったね。</p>
a.	おまたせしました
b.	ごめんなさい
c.	今なんじですか
d.	おそかったですね

QN=41	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>A : ひっこしをてつだってください。</p> <p>B : () 。</p>
a.	ええ、いいね
b.	へえ、いいよ
c.	うん、いいよ
d.	わあ、いいね

QN=42	<p>Chọn trong A, B, C, D đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống:</p> <p>A : ああ、おなかがすいたー。</p> <p>B : ()</p>
a.	何か食べたい？
b.	何が食べたい？
c.	何で食べたい？
d.	何に食べたい？

Reading trang sau

READING

私がほしいこと

いろいろな人に いちばん ほしいことを 聞きました。

- ① 「時間」です。会社へ行って、はたらいて、うちへ帰って、一日が終わります。一日はとても短いですね。一日が 48 時間ぐらいになりたいです。いろいろなところへ行ったり、むすめとあそんだりすることができますから。

(たなかさん、36 才、かいしゃいん)

- ② 「じぶんのぎんごう」がほしいです。その時、会社を休んで、国へ帰りたいです。好きな時、お金をだして、高いふくやきれいなネックレスなどを買うことができます。そして、ときどき海外旅行もできますから、楽しいですね。

(マリアさん、28 才、ぎんこういん)

- ③ 毎日、大学にかよいますから、「私」がもう一人ほしいです。たとえば、一人が学校で勉強している時、もう一人の「私」は好きなことをすることができます。また、母が「へやをきれいにして。」と言った時、一人がへやをまじめにそうじしますが、ほんとうの「私」はゆっくりねたり、マンガを読んだりすることができます。わあ、おもしろいですね。

(ダニエル、19 才、学生)

Từ mới: じぶん : bản thân, chính mình ; たとえば : ví dụ ;
 また : ngoài ra ; ほんとう : thật

QN=1	1 日が 48 時間になる時、たなかさんはどうしますか。
a.	こどもとあそびます。
b.	かいしゃをやすみます。
c.	まじめにはたらきます。
d.	好きなことをします。

QN=2	じぶんのぎんこうがある時、マリアさんはどうしますか。
a.	お金をだしたり、海外で買い物したりします。
b.	会社を休んだり、国へ帰ったりします。
c.	旅行したり、買い物したりします。
d.	国へ帰ったり、海外旅行をしたりします。

QN=3	母にへやのそうじをてつだう時、ほんとうのダニエルさんはどうしますか。
a.	サッカーをします
b.	マンガをよみます
c.	へやをそうじします
d.	べんきょうします